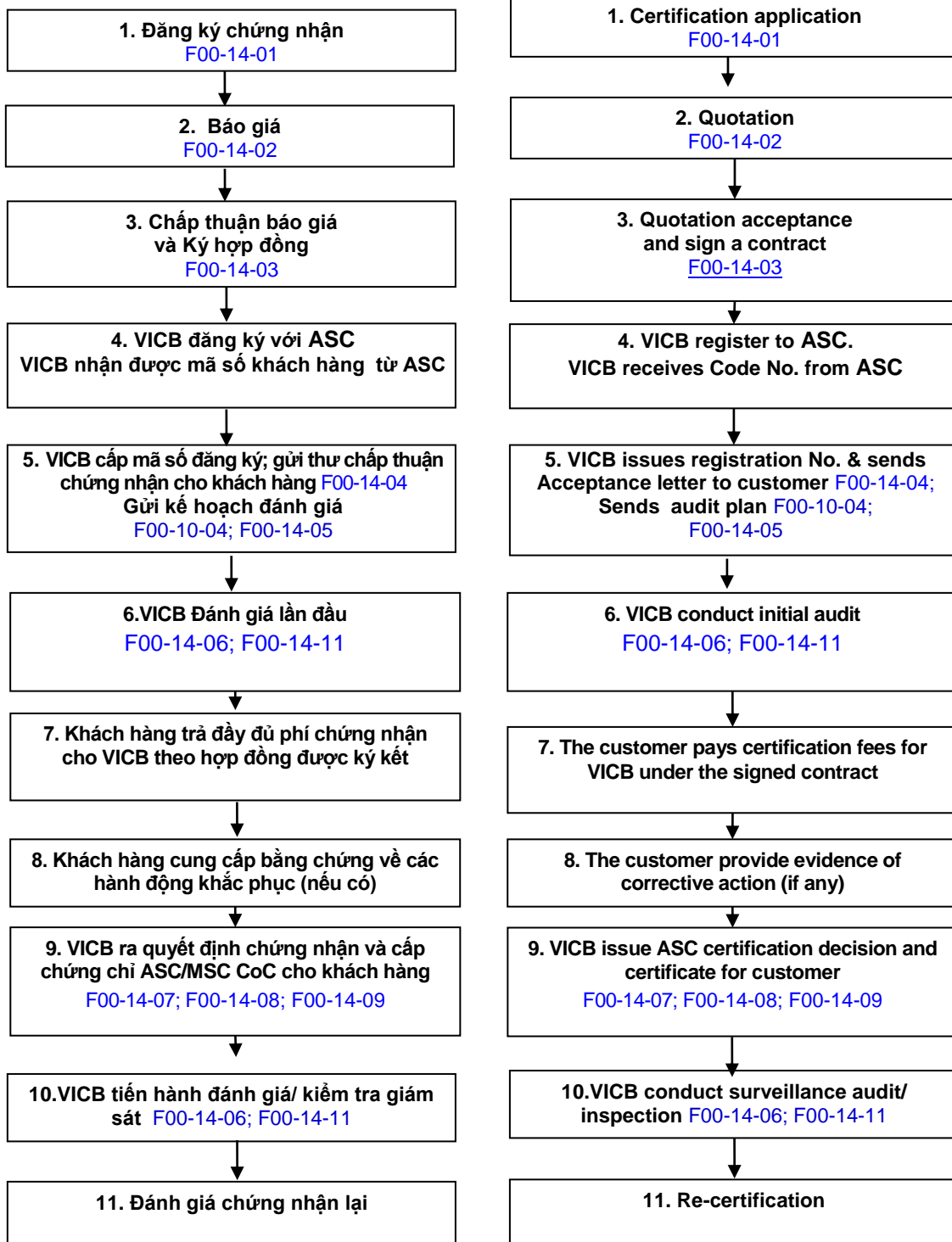


| | |
|--|---|
| 1. TÀI LIỆU THAM KHẢO | 1. REFERENCE DOCUMENT |
| <p>V01-05: Quy định chứng nhận ASC/MSC CoC; V00-13: Quy trình chứng nhận sản phẩm. ASC Certification & Accreditation Requirements Version 2.0, December 2015. MSC Chain of Custody Certification Requirements Version 2.0, 20th February, 2015</p> | <p>V01-05: ASC/MSC CoC certification Regulations V00-13: Product certification procedure. ASC Certification & Accreditation Requirements Version 2.0, December 2015. MSC Chain of Custody Certification Requirements Version 2.0, 20th February, 2015</p> |
| 2. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI VICB: Tổ chức chứng nhận VinaCert KD: Phòng kinh doanh CN: Phòng chứng nhận BR: Văn phòng Chi nhánh Công ty MSC CoC: Tiêu chuẩn Chuỗi giám sát CoC | 2. PURPOSE AND SCOPE VICB: VinaCert Certification Body PKD: Sales department PCN: Certification department BO: Company Branch Office MSC CoC: ASC Chain of custody |
| 3. VIẾT TẮT VÀ ĐỊNH NGHĨA | 3. DEFINITIONS AND ABBREVIATIONS |
| <p>Tài liệu này quy định các bước phù hợp với yêu cầu của ISO/IEC 17065:2012 và quy định của ASC/MSC CoC trong quá trình đánh giá, chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn ASC/MSC CoC; Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa yêu cầu của ISO/ IEC 17065:2012 và yêu cầu của ASC/MSC CoC, thì VICB sẽ tuân thủ yêu cầu của ASC/MSC CoC.</p> <p>Chứng nhận ASC/MSC CoC là sự xác nhận chính thức rằng sản phẩm của khách hàng thoả mãn các chuẩn mực của tiêu chuẩn ASC/MSC CoC.</p> | <p>This document specifies steps complying with requirements of ISO/IEC 17065:2012 and regulations of ASC/MSC CoC in the process of product audit and certification in compliance with ASC/MSC CoC standard;</p> <p>In case that ASC/MSC CoC requirements conflicts with ISO/ IEC 17065:2012, VICB will comply with ASC/MSC CoC requirements.</p> <p>ASC/MSC CoC certification is the official confirmation that the products of producer meet with requirements of ASC/MSC CoC standard.</p> |
| 4. NỘI DUNG 4.1. Lưu đồ chứng nhận ASC | 4. CONTENT 4.1 Flowchart of ASC certification |



| | |
|--|--|
| <p>4.2. Diễn giải lưu đồ</p> <p>4.2.1. Đăng ký chứng nhận</p> | <p>4.2 Flowchart interpretation</p> <p>4.2.1 Certification application</p> |
| <p>a. Khách hàng muốn đăng ký chứng nhận ASC/MSC CoC cần liên lạc với VICB qua điện thoại, email, fax, bưu điện....</p> <p>b. Khi nhận được yêu cầu chứng nhận đánh giá từ khách hàng, nhân viên Phòng kinh doanh tiến hành trao đổi với khách hàng để xác định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn mà khách hàng cần đánh giá - Phương thức chứng nhận (<i>Hiện tại, VICB chỉ áp dụng hình thức chứng nhận trang trại đơn lẻ</i>) - Phạm vi chứng nhận. (<i>Chứng nhận cho trang trại nuôi trồng, chứng nhận MSC CoC,....</i>) - Sản phẩm cần đánh giá (<i>Hiện tại VICB chỉ được phép chứng nhận 2 loại sản phẩm theo tiêu chuẩn ASC trong nuôi trồng là Cá tra/basa, cá rô phi</i>). - Địa điểm cần đánh giá. <p>c. Khi đề nghị chứng nhận của khách hàng nằm trong phạm vi chứng nhận của VICB, nhân viên Phòng kinh doanh có trách nhiệm gửi phiếu đăng ký chứng nhận (F00-14-01) cho khách hàng và nhận lại phiếu đăng ký khi khách hàng đã điền đầy đủ thông tin.</p> | <p>a. Customer wishing to apply ASC/MSC CoC certification need to contact with VICB via email, fax, phone or by post...</p> <p>b. When receiving request for ASC/MSC CoC certification from customer, staff of Business Dept will communicate with the client to determine:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Standard that the client is seeking for certification. - Certification option (<i>Currently, VICB only apply for single certification</i>). - Expected scope of evaluation (<i>ASC farm, MSC CoC, ...</i>). - Expected type of products of evaluation (<i>Currently, VICB only certify two kind of products in compliant with ASC aquaculture standard. They are: pangasius, tilapia.</i> - Place to be inspected/audit. <p>c. When the certification scope of client is under the certification scope of VICB, BD/RO will send registration form (F00-14-01) to the client receive it after the client complete the form.</p> |
| <p>4.2.2. Báo giá</p> | <p>4.2.2 Quotes</p> |
| <p>Sau khi nhận được phiếu đăng ký của khách hàng, nhân viên Phòng kinh doanh kiểm tra thông tin trên phiếu đăng ký và yêu cầu khách hàng bổ sung, sửa đổi thông tin trong phiếu đăng ký khi cần thiết trong vòng 3 ngày làm việc. Khi thông tin đã đầy đủ, rõ ràng, nhân viên Phòng kinh doanh gửi báo giá cho khách hàng theo biểu mẫu F00-14-02.</p> <p>Khi báo giá ngoài các chi phí cố định cần xem xét tới các chi phí không cố định liên quan tới địa điểm đánh giá, phạm vi đánh giá, quy mô khách hàng ...</p> | <p>After receiving the registration form of the client, staff of Business Dept verify all information filled in the application form and request the client to supplement and modify information in the application form where necessary within 3 working days. When all information supplied is sufficient, staff of Business Dept will send quotation to the customer under F00-14-02.</p> <p>When make a quotation, in addition to the fixed costs, it take in consider to non-fixed costs related to audit sites, scope, and scale of the client...</p> |
| <p>4.2.3. Ký hợp đồng và thanh toán một phần phí chứng nhận</p> | <p>4.2.3 Sign a contract and make a part of payment</p> |
| <p>a. Nhân viên Phòng kinh doanh gửi bản Thỏa thuận chứng nhận ASC/MSC CoC cho khách hàng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản Báo giá F00-14-02 (2 bản, mỗi bên giữ 1 bản) - Hợp đồng tài chính chứng nhận ASC/MSC CoC (F00-14-03) (2 bản, mỗi bên giữ 1 bản) - Quy định chứng nhận ASC/MSC CoC (V01-05). Nhân viên Phòng kinh doanh có nhiệm | <p>a. The staff of Business Dept sent Agreement of ASC/MSC CoC certification to the client, which includes:</p> <ul style="list-style-type: none"> - The Quotation F00-14-02 (2 copies, each party keeps 01 copies). - Financial contract contract (F00-14-03), (2 copies, each party keeps 01 copies). - The ASC/MSC CoC certification Regulations (V01-05). The staff of Business Dept is |

| | |
|---|---|
| <p>vụ diễn giải cho khách hàng hiểu các yêu cầu trong bản quy định với sự hỗ trợ của nhân viên Phòng chứng nhận khi cần thiết. Sau khi khách hàng đã đọc hiểu, khách hàng có nhiệm vụ ký và đóng dấu xác nhận vào cuối bản quy định này. (2 bản, mỗi bên giữ một bản).</p> <p>b. Khách hàng ký và đóng dấu tất cả các bản hợp đồng rồi gửi lại cho VICB ký và đóng dấu. Sau đó VICB gửi lại cho khách hàng hợp đồng có chữ ký và con dấu của cả hai bên.</p> <p>c. Sau ký kết hợp đồng, khách hàng có nhiệm vụ thanh toán các khoản phí theo quy định của hợp đồng tài chính (F00-14-03)</p> | <p>responsible for explaining this regulation to the client with the support of Certification Dept staff. After the client read and understand the regulation, the client will sign and stamp for confirmation in this document (2 copies, each party keeps 1 copy).</p> <p>b. <i>The client shall sign and stamp the contracts then return to VICB for signature and stamp. After signed and stamped by VICB, the contracts shall be returned to the customer.</i></p> <p>c. After signing agreement, the client takes responsibility for making payment according to Financial contract (F00-14-03).</p> |
| <p>4.2.4. VICB đăng ký với ASC và lấy mã số khách hàng từ ASC</p> | <p>4.2.4 VICB registers to ASC and get the code No. of customer from ASC</p> |
| <p>Sau khi khách hàng đã đăng ký đầy đủ thông tin, và ký kết hợp đồng, PKD chuyển thông tin đăng ký của khách hàng cho PCN để PCN tiến hành đăng ký thông tin khách hàng vào cơ sở dữ liệu của ASC theo quy định.</p> <p>VICB nhận được mã số khách hàng từ cơ sở dữ liệu của ASC</p> | <p>After customer fill fully information in the application form and sign the contract, PKD transfer the registration information of customers for PCN to register information of customers into ASC database under the provisions of ASC.</p> <p>VICB receive customer code from ASC database.</p> |
| <p>4.2.5. VICB thông báo mã số cho khách hàng và kế hoạch đánh giá.</p> | <p>4.2.5 VICB notice to the customer on code No. and audit plan</p> |
| <p>a. Trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được mã số từ ASC, PCN gửi thư Chấp thuận, cấp mã số đăng ký cho Khách hàng theo biểu mẫu F00-14-04 và gửi cho khách hàng tiêu chuẩn mới nhất bằng tiếng việt qua email. PCN lưu lại các phiên bản này.</p> <p>b. PCN thỏa thuận với khách hàng thời điểm đánh giá. Sau khi thống nhất về thời gian đánh giá, PCN gửi kế hoạch đánh giá cho khách hàng (F00-10-03) và bản tóm tắt bằng chứng khách quan của phạm vi cần đánh giá.</p> <p>c. Trường hợp khách hàng có thắc mắc về đoàn đánh giá đề xuất, VICB sẽ xem xét và có phương án giải quyết thích hợp. Hồ sơ điều chỉnh sẽ được bộ phận PCN lưu giữ.</p> <p>d. VICB sẽ gửi kế hoạch đánh giá cho ASC theo biểu mẫu F00-14-05 trước ngày đánh giá ít nhất 30 ngày. Nếu có sự thay đổi nào về kế hoạch đánh giá, PCN sẽ thông báo sự thay đổi cho ASI và ASC trong vòng 5 ngày sau khi thay đổi.</p> <p>e. Trong vòng 3 ngày kể từ khi thông báo kế hoạch đánh giá cho ASC và ASI, ASC sẽ đăng tải bản kế hoạch này lên website www.asc-aqua.org để thông báo cho các bên liên quan</p> | <p>a. Within 14 working days from the date of code receipt from ASC, PCN sends the Letter of Acceptance and informs Registration number to the customer according to form F00-14-04 and send to the client the latest MSC CoC standard version. PCN will maintains those documents.</p> <p>b. PCN agrees with the client on the audit period. After making agreement on time of audit, PCN sends the audit plan F00-10-03 to applicant and the summary list of objective evidence required for each expected scope of evaluation.</p> <p>c. In case that applicant raise concern about member of audit team proposed to carry out audit, VICB will consider merits of each concern and give appropriated action to deal with those concerns. Records of justification for VICB's actions will be remained by PCN.</p> <p>d. VICB will submit audit plan for the ASC according to the form F00-14-05 min. 30 days before audit. PCN will inform updates within 5 days after any changes.</p> <p>e. Max. 3 days after being informed by VICB, ASC publishes audit date at www.asc-</p> |

| | |
|---|--|
| <p>về quá trình đánh giá.</p> <p>f. PCN tiến hành thu thập và lập danh sách các bên liên quan quan tâm đến việc lựa chọn đoàn đánh giá.</p> | <p>aqua.org to allow stakeholders to indicate their interest to be heard in audit process.</p> <p>f. PCN collects and lists all stakeholders indicated an interest to make a submission to audit team;</p> |
| <p>4.2.6. VICB Đánh giá lần đầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá lần đầu bao gồm các hoạt động thu hoạch các sản phẩm chính. - PCN tiến hành thu thập các bằng chứng tuân thủ đối với các sản phẩm khác được bao gồm trong chứng chỉ nhưng không được thu hoạch cùng thời điểm. - Trong trường hợp PCN nhận thấy rằng không thể tiến hành đánh giá lần đầu do sản phẩm chính không vào vụ thu hoạch, thì PCN sẽ: <ul style="list-style-type: none"> + Ghi chép điều này vào báo cáo đánh giá + Đưa ra sự điều chỉnh về việc thay đổi thời gian. | <p>4.2.6 VICB conduct initial audit</p> <ul style="list-style-type: none"> - Initial audit included harvesting activities of the principle product. - PCN conduct to collect evidence of compliance for other products to be included in certificate but not harvested at the same time. - In case CAB determined that it was not possible to conduct inital audit due to time for harvesting the principal products, PCN will: <ul style="list-style-type: none"> + recorded this determination in the audit report. + provided a justification for the alternative timing. |
| <p>a. PCN xem xét yêu cầu chứng nhận ASC/MSC CoC và bố trí đoàn đánh giá với các chuyên gia đánh giá phù hợp với yêu cầu chứng nhận. Chuyên gia đánh giá trong đoàn đánh giá phải thỏa mãn các tiêu chí chuyên gia/kiểm tra viên được quy định trong V01-08</p> <p>b. Nhân viên PCN sẽ nhận được các góp ý của các bên liên quan về kế hoạch đánh giá và thông báo cho các bên liên quan biết đã nhận được ý kiến từ họ.</p> <p>c. Đoàn đánh giá tiến hành đánh giá hoạt động sản xuất của khách hàng theo V02-14 và căn cứ vào các ý kiến của các bên liên quan. Sau đó lập báo cáo đánh giá theo biểu mẫu F00-14-06 PCN phản hồi các nhận xét, góp ý của các bên liên quan bằng văn bản về việc VICB đã giải quyết các nhận xét của khách hàng như thế nào.</p> <p>d. Bất kỳ sự không phù hợp nào được nhận diện trong khi đánh giá sẽ được tổng kết và xác nhận bằng văn bản vào cuối mỗi ngày đánh giá. Sự không phù hợp được nêu rõ tương ứng với bản checklist của ASC.</p> <p>e. Sau khi kết thúc cuộc đánh giá, đoàn đánh giá tiến hành viết bản dự thảo báo cáo đánh giá F00-14-06 tại văn phòng của VICB và gửi bản dự thảo báo cáo cho ASC trong vòng 20 ngày sau khi hoàn thành cuộc đánh giá.</p> <p>f. Trong vòng 3 ngày kể từ khi nhận được bản báo nháp báo cáo, ASC đăng tải bản này lên trang web www.asc-aqua.org; cho phép các bên liên quan có quyền xem báo cáo đánh giá và đưa ra góp ý trong vòng 10 ngày kể từ</p> | <p>a. PCN reviews the ASC / MSC CoC certification request and arranges the audit team with the assessor in accordance with the certification requirements. The qualifications and competence as well as skills of selected auditors in the inspection team must meet the requirements stated in V01-08</p> <p>b. PCN staff will be received comments from stakeholders on audit plan and shall acknowledge receipt of written submissions</p> <p>c. The audit team shall implement the audit for the client's production activities based on V02-14 and comments of the stakeholders before making a report of ASC certification audit under F00-14-06 PCN then respond to each stakeholder how comments were addressed.</p> <p>d. Any non-compliance identified during the evaluation will be discussed during the evaluation and summarized and verified in writing at the end of each audit date. Non-conformities are documented on the corresponding ASC Checklist.</p> <p>e. After completing the audit, audit team write a draft report F00-14-06 in the VICB office and send the review the report to ASC within 20 days from the date of audit completion.</p> <p>f. Within 3 days from the date of receipt, ASC publishes the draft report at www.asc-aqua.org to allow the stakeholders react the draft report within 10 days from the date of publish.</p> |

| | |
|--|---|
| <p>khi ASC đăng tải báo cáo lên mạng.</p> <p>g. VICB duy trì danh sách các bên liên quan muốn nộp đệ trình cho đoàn đánh giá. Khi nhận được đệ trình bằng văn bản từ các bên liên quan, PCN gửi thông tin xác nhận đã nhận được các đệ trình đó và phản hồi cho từng bên liên quan về các nhận xét/ bình luận của họ trước khi công khai bản báo cáo đánh giá dự thảo.</p> | <p>g. VICB keeps a list of stakeholders who indicate an interest in making a submission to the audit team. The PCN acknowledges the receipt of written submissions and responds prior to the publication of draft report to each stakeholder how comments were addressed</p> |
| <p>4.2.7. Khách hàng trả phí chứng nhận theo hợp đồng; PCN nộp báo cáo cuối cùng cho ASC</p> | <p>4.2.7 The customer pay fully certification fee to VICB under the signed contract; PCN submit final report</p> |
| <p>Sau đợt đánh giá hiện trường, khách hàng có nhiệm vụ thanh toán số tiền theo hợp đồng tài chính đã ký kết.</p> <p>Trong vòng 10 ngày kể từ khi kết thúc việc đưa ra ý kiến của các bên liên quan về bản dự thảo báo cáo dự thảo, PCN sẽ xem xét các ý kiến và đưa ra quyết định sau khi đánh giá chứng nhận và cập gửi bản báo cuối cùng cho ASC F00-14-06</p> <p>Trong vòng 3 ngày sau đó, ASC sẽ đăng tải bản báo cáo cuối cùng này lên trang web.</p> | <p>After onsite audit, the client takes responsibility for make payment for certification fee as specified in financial contract.</p> <p>Within 10 days of the close of comments on the draft report, PCN will review all comments and make a decision and submit the final report F00-14-06 to ASC.</p> <p>Within 3 days, ASC publishes the final report on the website</p> |
| <p>4.2.8. Khách hàng cung cấp bằng chứng về các hành động khắc phục cho VICB (nếu có)</p> | <p>4.2.8 The customer provide evidence of corrective action for VICB (if any)</p> |
| <p>a. Nếu kết quả đánh giá phát hiện điểm không phù hợp cần được khắc phục, chuyên gia đánh giá sẽ gửi phiếu Yêu cầu Khắc phục Phòng ngừa F00-14-10 ngay cuối buổi đánh giá. Hồ sơ đánh giá được chuyển về PCN theo dõi cho đến khi các điểm không phù hợp đã phát hiện được khắc phục thỏa đáng trong vòng 3 tháng kể từ ngày đánh giá. Nếu sau 3 tháng, khách hàng không khắc phục được thỏa đáng các điểm không phù hợp, VICB sẽ tiến hành chứng nhận lại trước khi cấp chứng chỉ.</p> <p>b. Khách hàng có thể đưa ra bằng chứng về hành động khắc phục ở dạng văn bản hoặc hình ảnh khi thích hợp.</p> <p>c. Trong một số trường hợp, VICB sẽ tiến hành đánh giá bổ sung vùng nuôi để xác nhận bằng chứng của hành động khắc phục.</p> <p>d. VICB sẽ đánh giá chi tiết toàn bộ các hành động khắc phục trước khi đưa ra quyết định có đóng hết các NC hay không và cập nhật bản báo cáo.</p> <p>e. VICB sẽ thông báo kết quả đánh giá trong vòng 28 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo về hành động khắc phục của khách hàng.</p> | <p>a. If the audit results show any non-conformities needed to be corrected, auditors write the Request for Corrective and Preventative Action F00-14-10 at the end of the audit. Audit record should be handed over to the PCN for monitoring until the non-conformities are adequately corrected within 3 months from the date of audit. If the non-compliance is not resolved within 3 months a complete inspection must take place before a certificate can be issued.</p> <p>b. Customer can provide evidence of the corrective actions in the form of documented or photographic evidence as appropriate.</p> <p>c. In some cases, VICB will conduct a further site visit to confirm evidence of corrective actions.</p> <p>d. VICB will audit all corrective actions before making decision on closing all NCs.</p> <p>e. VICB will inform the client of audit results within 28 working days from the date of report on corrective action implementation of the customer.</p> |
| <p>4.2.8. Đưa ra quyết định chứng nhận sau khi</p> | <p>4.2.8 VICB make a certification decision after the</p> |

| khách hàng hoàn thành hành động khắc phục | client completes corrective action |
|--|---|
| <p>a. Sau khi khách hàng gửi báo cáo về các hành động khắc phục đã thực hiện, PCN đưa ra quyết định chứng nhận cập nhật bản báo cáo F00-14-06 sau đó gửi cho ASC trong vòng 5 ngày làm việc.</p> <p>b. Bản báo cáo được ASC đưa lên cơ sở dữ liệu cho các bên liên quan đóng góp ý kiến trong vòng 10 ngày. Trong vòng 10 ngày kể từ khi kết thúc quá trình lấy ý kiến từ các bên liên quan, PCN gửi bản báo cáo chính thức F00-14-06 cho ASC và khách hàng. Bản báo cáo này được đăng tải trên website của ASC.</p> | <p>a. After the client implement corrective actions, PCN will update the draft report F00-14-06 and send it to ASC within 5 working days.</p> <p>b. The stakeholders comment on the report for at least ten (10) days. Within 10 days of the close of comments on the draft report, PCN will review all comments and make a decision and submit the final report F00-14-06 to ASC.</p> |
| 4.2.9. Khách hàng thanh toán đầy đủ phí chứng nhận như đã ký kết | 4.2.9. Customer pays fully cost of certification as agreement |
| PCN thông báo cho khách hàng thanh toán đầy đủ phí chứng nhận đã ký trong hợp đồng với VICB. | PCN request BD/RO to notify the client pays the full costs of the signed contract with VICB. |
| 4.2.10. VICB ra quyết định chứng nhận và cấp chứng chỉ ASC/MSC CoC cho khách hàng | 4.2.10 VICB issue certification decision and ASC/MSC CoC certificate for customer |
| <p>a. Căn cứ vào bằng chứng đánh giá, PCN lập kiến nghị chứng nhận, dự thảo Quyết định chứng nhận (F00-14-07) và Chứng chỉ ASC/MSC CoC (F00-14-08; F00-14-09) trình Tổng Giám đốc/ Giám đốc chứng nhận xem xét quyết định. Lưu ý: Các bằng chứng đánh giá này không được quá 6 tháng. Các bằng chứng này thu thập được trước, trong, và sau quá trình đánh giá hiện trường.</p> <p>b. Căn cứ theo đề nghị của PCN, Tổng Giám đốc ký vào Quyết định chứng nhận (F00-14-07) và Chứng chỉ ASC/MSC CoC cho khách hàng (F00-14-08; F00-14-09). Trong vòng 3 ngày làm việc, PCN sẽ đăng tải quyết định chứng nhận và chứng chỉ lên website của ASC. Trong trường hợp có trục trặc về mạng trực tuyến, PCN có trách nhiệm thông báo cho ASC trong vòng 10 ngày kể từ ngày cấp.</p> <p>c. Hiệu lực của chứng chỉ ASC/MSC CoC 3 năm.</p> <p>d. Chú ý: Khi có bất kỳ thông tin mới hoặc bổ sung nào, VICB có thể trì hoãn quyết định chứng nhận.</p> | <p>a. Based on evaluation of audit evidence, PCN make certification recommendation, a draft of certification decision (F00-14-07) and the certificate under form of ASC/MSC CoC (F00-14-08; F00-14-09) to submit to General Director/ Certification Director for decision. Note: Those audit evidence shall not be older than 6 months. Audit evidence gathered prior to, during and after on-site audit was included.</p> <p>b. Pursuant to the request of PCN, General Director signs certification decision (F00-14-07) and ASC/MSC CoC certificates (F00-14-08; F00-14-09) for client. PCN will upload Certification Decision on the website of ASC. PCN registers certificates in ASC database before (re)-issue. In case of malfunction of online service, PCN will inform the ASC within 10 days from issue.</p> <p>c. ASC/MSC CoC certificate will be valid for 3 years.</p> <p>d. Note: VICB retains right to delay or postpone decision when new or additional information becomes available.</p> |
| 4.2.11. Xác định hội đủ điều kiện đi vào chuỗi CoC của các sản phẩm thủy sản và xác định các điểm tại đó các sản phẩm có thể đi vào chuỗi. | 4.2.11. Determination of the eligibility of aquaculture products to enter further Chains of Custody and the points at which they can enter |

| | |
|--|--|
| <p>a. Bộ phận PCN sẽ xác định xem liệu hệ thống theo dõi, truy xuất và phân định các hoạt động nuôi trồng thủy sản đã đủ để chắc chắn rằng các sản phẩm thủy sản đã được nhận diện và được bán với tư cách là sản phẩm được chứng nhận bởi xuất phát từ hoạt động của các đơn vị chứng nhận đã được chứng nhận. Bộ phận PCN sẽ xem xét các điểm và các rủi ro liên quan đến tính nguyên vẹn của các sản phẩm được chứng nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hệ thống truy xuất, theo dõi và phân định hiện có - Khả năng thay thế sản phẩm không được chứng nhận trước và tại thời điểm thu hoạch - Khả năng du nhập sản phẩm từ bên ngoài đơn vị chứng nhận - Độ vững chắc của hệ thống quản lý chất lượng của bên nộp đơn hoặc của chủ sở hữu chứng chỉ - Các hoạt động chuyển tàu - Bất kỳ quá trình xử lý hoặc vận chuyển sau thu hoạch được thầu phụ - Số lượng và/ hoặc địa điểm các điểm thu hoạch <p>b. Nếu PCN xác định rằng các hệ thống đã đủ, các sản phẩm thủy sản xuất phát từ quá trình vận hành này có thể đi vào chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) và đủ điều kiện để mang nhãn ASC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải xác định phạm vi của chứng chỉ bao gồm các điểm thay đổi chủ sở hữu mà sau đó yêu cầu chứng nhận CoC <p>c. Nếu PCN xác định rằng các hệ thống không đủ, các sản phẩm thủy sản không thể đi vào chuỗi chứng nhận CoC, và sẽ không được phép mang nhãn mác ASC hoặc không được tuyên bố là được chứng nhận ASC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi viết báo cáo, bộ phận PCN sẽ nêu rõ là sản phẩm thủy sản từ các hoạt động không thể đi vào chuỗi chứng nhận CoC và không đủ điều kiện để mang nhãn mác ASC hoặc được tuyên bố là được chứng nhận ASC. <p>d. Việc xác định này sẽ được duy trì hiệu lực cho đến khi được VICB sửa đổi trong cuộc đánh giá tiếp theo.</p> | <p>a. The Certification department will determine if the system of tracking, tracing and segregation in the aquaculture operation is sufficient to make sure all aquaculture products identified and sold as certified by the operation originate from the certified unit of certification. The PCN will consider the following points and their associated risk for the integrity of certified products:</p> <ul style="list-style-type: none"> - The tracking, tracing and segregation systems in use - The opportunity of substitution of certified with non-certified product prior to and at harvesting - The possibility of introducing product from outside the unit of certification - The robustness of the applicant or certificate holders' management system - Any transshipment activities taking place - Any subcontracted post-harvest handling or processing - The number and/or location of points of harvest <p>b. If the PCN determines that the systems are sufficient, aquaculture products from the operation may enter into further certified chains of custody and be eligible to carry the ASC label</p> <ul style="list-style-type: none"> - The scope of the aquaculture certificate, including the points of change of ownership after which chain of custody certification is needed, shall be determined. <p>c. If the PCN determines that the systems are not sufficient, aquaculture products from the operation may not enter into further certified chains of custody, and will not be eligible to carry the ASC label or otherwise be claimed as ASC certified.</p> <ul style="list-style-type: none"> - The PCN will state in the audit reports that aquaculture products from the operation may not enter into further certified chains of custody, and are not eligible to carry the ASC label or otherwise be claimed as ASC certified. <p>d. This determination shall remain in force until revised by the CAB in a subsequent audit.</p> |
| <p>4.2.11. VICB tiến hành đánh giá giám sát</p> | <p>4.2.11 VICB conduct surveillance audit/inspection</p> |
| <p>a. VICB thực hiện đánh giá giám sát hiện trường khách hàng ít nhất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - ASC Farm: một lần / năm. | <p>a. VICB conduct an on-site surveillance audit at least</p> <ul style="list-style-type: none"> - ASC Farm: once per year. |

| | |
|---|---|
| <p>- MSC CoC: tùy thuộc vào kết quả sau mỗi lần đánh giá, có thể là một lần/năm hoặc một lần/ mười tám tháng.</p> <p>Đánh giá giám sát được thực hiện theo V02-14</p> <p>b. VICB cũng có thể tiến hành đánh giá giám sát vì tối thiểu một trong các lý do sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Số và bản chất của sự không phù hợp • Lượng phàn nàn từ khách hàng, từ ASC, từ các tổ chức chứng nhận khác hoặc các bên quan tâm. • Khi VICB cho rằng cần điều tra một số vấn đề nào đó. <p>c. VICB hoạch định hoạt động đánh giá giám sát khách hàng trong thời gian 3 năm theo kế hoạch để đảm bảo rằng toàn bộ các khía cạnh trong chu kỳ sản xuất đều được đánh giá.</p> <p>d. PCN tiến hành lập kế hoạch đánh giá giám sát tương tự như cuộc đánh giá chứng nhận theo V02-14 với sự tư vấn của các bên liên quan nếu cần thiết.</p> <p>e. VICB đề cử đoàn đánh giá tương tự như đoàn đánh giá ban đầu. Trong trường hợp thay đổi thành viên, VICB sẽ xem xét lựa chọn chuyên gia đánh giá theo V01-08</p> <p>f. Đoàn đánh giá giám sát lập báo cáo đánh giá giám sát theo F00-14-06 sau đó gửi bản đánh giá giám sát cho ASC.</p> | <p>- MSC CoC: depending on the outcome of each evaluation, it may be once a year or once / every eighteen months.</p> <p>Surveillance audit will be in accordance with V02-14</p> <p>b. VICB also conduct surveillance audits of certificate holders for one or more of the following reasons:</p> <ul style="list-style-type: none"> • The number and nature of non-conformities • The number and nature of complaints from the ASC, another CAB, a stakeholder or an interested party. • The number and nature of other issues that the CAB determines must be investigated. <p>c. VICB plans and conducts surveillance audit which cover all aspects of production cycle within 3 year team.</p> <p>d. The PCN plans surveillance audit as the certification audit under V02-14. Stakeholder consultation undertaken where appropriate.</p> <p>e. VICB appoint audit team which is similar to the original audit. If team members are different to the original team, the selection of individuals to conduct audits will be justified in writing and their relevant skills and/or expertise documented according to V01-08.</p> <p>f. The audit team write a report on surveillance audit according to F00-14-06. After that PCN submit it to ASC.</p> |
| <p>4.2.12. Gia hạn hiệu lực chứng chỉ</p> | <p>4.2.12. Extension of Certificate validity</p> |
| <p>a. VICB gia hạn hiệu lực chứng chỉ tối đa là 3 tháng trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Khách hàng đăng ký chứng nhận lại tại ngày hết hạn chứng chỉ hoặc trước khi chứng chỉ hết hạn. b. VICB đã cấp chứng chỉ trước đó c. VICB chấp nhận đơn đề nghị chứng nhận của khách hàng trước khi chứng chỉ hết hạn d. VICB gia hạn chứng chỉ trong cơ sở dữ liệu trước khi chứng chỉ hết hạn <p>b. VICB sẽ tiến hành đánh giá tiếp theo trong thời gian 3 tháng trước hoặc sau ngày hết hạn.</p> | <p>a. VICB extend validity of certificate by up to 3 months only due to following reasons:</p> <ol style="list-style-type: none"> e. Certificate holder applied to VICB to be audited at or before expiry date f. VICB issued previous certificate g. VICB accepted Certificate holder application to be audited before expiry of existing certificate. h. VICB extends validity in ÁC database before expiry. <p>b. VICB will conduct subsequent audit within 3 month period prior or after expiry date.</p> |
| <p>4.2.13. Đánh giá chứng nhận lại</p> | <p>4.2.13 Re-certification</p> |
| <p>a. Trước khi chứng chỉ hết hiệu lực 3 tháng, PKD/BO liên lạc với khách hàng để xác định nhu cầu. Nếu khách hàng muốn chứng nhận lại, PCN sẽ thực hiện theo quy trình này từ bước 4.2.1 và áp dụng theo phiên bản mới nhất của</p> | <p>a. Three months prior to the expiry date of certificate, PKD/BO will contact with the certificate holder to determine its demand for re-certification. If the client wish to maintain certificate, PCN will carries out this procedure</p> |

| | |
|--|--|
| <p>tiêu chuẩn.</p> <p>b. Khi tiến hành đánh giá chứng nhận lại, PCN cần xem xét đến các báo cáo giám sát, kết quả giám sát và tình trạng các NC. PCN cần xác minh các hành động khắc phục được thực hiện bởi khách hàng đối với các NC nặng. Trong trường hợp khách hàng còn các NC nặng, thì VICB sẽ không cấp chứng chỉ cho khách hàng.</p> <p>c. PCN sẽ lưu giữ các hồ sơ đối với tất cả các lần xem xét.</p> | <p>from step 4.2.1. VICB will apply the latest version of standard.</p> <p>b. When doing re-certification, PCN will took into account all surveillance reports, outcomes and progress on NCs. PCN need to verify that corrective and preventive acitons taken allow for closure of open major NCs. And VICB will not re-issue certificate in cases were major NCs coul not be closed.</p> <p>c. PCN maintains records of all considerations and rationales made to the previous issues</p> |
| 4.3. Đình chỉ hoặc hủy bỏ kết quả chứng nhận | 4.3 Suspension or withdrawal of the certification results. |
| <p>PCN lập kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ kết quả chứng nhận theo F00-10-12.</p> <p>Các quyết định đình chỉ hoặc hủy bỏ kết quả chứng nhận được gửi tới khách hàng và công bố trên website: http://www.vinacert.vn</p> | <p>PCN will make recommendation for suspending or withdrawing the certification results under F00-10-12.</p> <p>The suspension or withdraw decision of certification result should be sent to the client and posted on the website: http://www.vinacert.vn.</p> |
| 5. TRÁCH NHIỆM | 5. RESPONSIBILITY |
| Nhân viên phòng CN, các chuyên gia đánh giá và nhân viên KD/BR có trách nhiệm thực hiện theo quy trình này. | Personals of CN, auditors and KD/BR shall be responsible for implementing this procedure |
| 6. HỒ SƠ LƯU | 6. RETENTION RECORD |

| TT No. | Hồ sơ Record | Mã HS HS code | Nơi lưu Retention place | Thời gian lưu Retention time |
|--------|---|---------------------------|-------------------------|---|
| 1. | Đăng ký chứng nhận sản phẩm ASC/MSC CoC <i>ASC/MSC CoC product certification application</i> | F00-14-01 | CN | Sau hết hiệu lực CN 1 năm/ <i>1 year after the certificate effectiveness expires</i> |
| 2. | Báo giá ASC/MSC CoC <i>ASC/MSC CoC certification quotation</i> | F00-14-02 | KD/BR/CN | Sau hết hiệu lực CN 1 năm/ <i>1 year after the certificate effectiveness expires</i> |
| 3. | Hợp đồng tài chính chứng nhận <i>Certification contract</i> | F00-14-03 | KD/BR/CN | Sau hết hiệu lực CN 1 năm <i>1 year after the certificate effectiveness expires</i> |
| 4. | Thư chấp thuận đánh giá ASC/MSC CoC / <i>Acceptance letter for ASC/MSC CoC certification</i> | F00-14-04 | CN | Sau hết hiệu lực CN 1 năm <i>1 year after the certificate effectiveness expires</i> |
| 5. | Kế hoạch đánh giá <i>Audit plan</i> | F00-10-03 | CN | Sau hết hiệu lực CN 1 năm <i>1 year after the certificate effectiveness expires</i> |
| 6. | Kế hoạch đánh giá gửi ASC <i>Audit plan submitted to ASC</i> | F00-14-05 | CN | Sau hết hiệu lực CN 1 năm <i>1 year after the certificate effectiveness expires</i> |
| 7. | Báo cáo đánh giá ASC <i>ASC Audit Report</i> | F00-14-06 | CN | Sau hết hiệu lực CN 1 năm <i>1 year after the certificate</i> |

| | | | | |
|-----|--|---------------------------|----|--|
| | | | | <i>effectiveness expires</i> |
| 8. | Báo cáo đánh giá MSC CoC <i>MSC CoC Audit Report</i> | F00-14-11 | CN | Sau hết hiệu lực CN 1 năm <i>1 year after the certificate effectiveness expires</i> |
| 9. | Quyết định cấp chứng chỉ ASC/MSC CoC <i>ASC/MSC CoC Certification decision</i> | F00-14-07 | CN | Sau hết hiệu lực CN 1 năm <i>1 year after the certificate effectiveness expires</i> |
| 10. | Chứng chỉ ASC <i>ASC certificate form</i> | F00-14-08 | CN | 3 năm/ 3 years |
| 11. | Chứng chỉ MSC CoC <i>MSC CoC certificate form</i> | F00-14-09 | CN | 3 năm/ 3 years |

| | |
|--|---|
| <p>7. SỰ BẢO MẬT</p> <p>Mọi nhân viên trong Công ty có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan đến khách hàng.</p> | <p>7. CONFIDENTIALITY</p> <p>Every staff in the company shall be responsible for securing all information related to the clients.</p> |
| <p>8. PHỤ LỤC</p> <p>VICB-QD-06 Quy định về chứng nhận ASC; VICB-HD-28 Hướng dẫn đánh giá chứng nhận ASC.</p> | <p>8. ANNEX</p> <p>VICB-QD-06: Regulations on ASC certification; VICB-HD-28: Guidelines for ASC certification audit.</p> |
